TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HSST.
Ngày 18 tháng 04 năm 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Thành

Bà: Đoàn Thị Dịu

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Phạm Quốc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 10/2019/HSST ngày 21 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 04/04/2019 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn G**:** Sinh năm 1974, tại Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông Lương Văn C (đã chết); Con bà Nguyễn Thị N (đã chết); Gia đình có 11 anh chị em, bị cáo là thứ 9; Vợ: Vũ Thúy N, sinh năm 1969; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến 25/01/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp "Bảo lĩnh".

2. Lương Văn T**:** Sinh năm 1977, tại Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông Lương Văn C (đã chết); Con bà Nguyễn Thị N (đã chết); Gia đình có 11 anh chị em, bị cáo là thứ 10; Vợ: Đỗ Thị N, sinh năm 1981; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:Ngày 14/05/2013 TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xử 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng 7 ngày về tội "Đánh bạc" theo

bản án số: 12/2013/HSST ngày 14/05/2013. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến 25/01/2019 và được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp "Bảo lĩnh".

3. Lương Văn T1**:** Sinh năm 1986, tại Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Lương Văn Q - Sinh năm: 1960; Con bà: Phạm Thị H - Sinh năm: 1960; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là thứ 3; Vợ: Đỗ Thị N, sinh năm 1991; Có 2 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

4. Nguyễn Văn D**:** Sinh năm 1974, tại Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông: Nguyễn Văn B (đã chết); Con bà: Lương Thị C, sinh năm: 1952; Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là thứ 2; Vợ: Đinh Thị H, sinh năm 1978; Có 2 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

5. Vũ Văn R**:** Sinh năm 1970, tại Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 12, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 3/10; Con ông: Vũ Văn R1 - Sinh năm: 1946; Con bà: Hoàng Thị H, sinh năm: 1946; Gia đình có 7 anh chị em, bị cáo là thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Có 6 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

6. Lương Văn B**:** Sinh năm 1972, tại Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 3/10; Con ông: Lương Văn C (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N (đã chết); Gia đình có 11 anh chị em, bị cáo là thứ 8; Vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1972; Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

7. Trần Văn Th**:** Sinh năm 1969, tại Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: Xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn

hóa: 4/10; Con ông: Trần Văn T (đã chết); Con bà: Bùi Thị N (đã chết); Gia đình có 13 anh chị em, bị cáo là thứ 13; Vợ: Lương Thị N, sinh năm 1961; Có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

8. Nguyễn Văn H**:** Sinh năm 1977, tại Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Nguyễn Văn B - Sinh năm: 1953; Con bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1955; Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con cả; Vợ Đồng Thị T, sinh năm: 1982; Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

9. Nguyễn Văn Th1 - Sinh năm: 1979 tại Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Văn B - Sinh năm: 1953; Con bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1955; Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là thứ 2; Vợ Phạm Thị T, sinh năm: 1990; Có 2 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

10. Nguyễn Văn L**:** Sinh năm 1974 tại Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 9/10; Con ông Nguyễn Cao T (đã chết); Con bà Đồng Thị N (đã chết); Gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là thứ 4; Vợ Đồng Thị H, sinh năm 1976; Có 2 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

11. Phạm Văn M**:** Sinh năm 1972 tại Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 15, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông Phạm Văn G - Sinh năm: 1933; Con bà Nguyễn Thị M (đã chết); Gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là thứ 5; Vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; Có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

Những người làm chứng:

- Anh Lương Văn H: Sinh năm 1983; Trú tại: Thôn 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Anh Nguyễn Văn T: Sinh năm 1983; Trú tại: Thôn 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Anh Nguyễn Văn H: Sinh năm 1980; Trú tại: Thôn 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Anh Nguyễn Văn G: Sinh năm 1983; Trú tại: Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Anh Hà Văn Q: Sinh năm 1982; Trú tại: Thôn 10, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Chị Đỗ Thị N: Sinh năm 1981; Trú tại: Thôn 11, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt các bị cáo; người làm chứng có mặt: Anh Hà Văn Q, anh Lương Văn H, chị Đỗ Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 05/12/2018, gia đình Lương Văn G tổ chức tân gia nhà mới có mời anh em, bạn bè, hàng xóm đến nhà ăn liên hoan. Sau khi ăn uống xong, Lương Văn B, Lương Văn H, Lương Văn N, Nguyễn Văn D, Vũ Văn R, Lương Văn T1, Phạm Văn M, Nguyễn Văn L đến nhà Lương Văn T uống nước. Trong quá trình ngồi chơi tại nhà anh T, D, R, T1 rủ nhau ngồi xuống chiếu chải gian giữa phòng khách nhà T dùng bài tú lơ khơ chơi 3 cây ăn tiền. D có 115.000 đồng, R có 2.548.000 đồng (trong đó có 500.000 đồng để đi mừng tân gia nhà G), T1 có 2.100.000 đồng dùng chơi đánh bài ăn tiền. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Lương Văn G đến nhà T thấy có đông người và D, R, T1 đang chơi 3 cây ăn tiền. G nói: "Thôi đông thế này làm tý xóc đĩa đi" ý rủ mọi người chơi xóc đĩa ăn tiền. G lấy 01 lá bài tú lơ khơ và chiếc kéo ở bàn uống nước trong phòng khách nhà T cắt thành 4 quân vị hình tròn. Cắt quân vị xong, G lấy chiếc đĩa sứ, chiếc bát ăn cơm bằng sứ để ở gầm bàn uống nước nhà T, rồi ngồi xuống chiếu cầm cái xóc đĩa cho D, R, T1, L, M, B chơi xóc đĩa ăn tiền. G cầm bát xóc 4 quân vị để cả bọn cùng nghe, dự đoán chẵn lẻ, G xóc xong đặt bát đĩa ở dưới chiếu cho cả bọn đặt tiền cược. G mở bát ra nếu các quân vị được sắp xếp cụ thể: 3 mặt trắng, 1 mặt đen hoặc 3 mặt đen, 1 mặt trắng thì là lẻ, còn lại là chẵn. Người chơi dự đoán đặt tiền đúng cửa thì là thắng cược, được G trả số tiền thắng cược bằng số tiền đã đặt cửa, nếu thua thì mất số tiền đã đặt cửa. Mỗi lần đặt cửa thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất tùy mọi người. Quá trình chơi G khai có 4.000.000 đồng, L có hơn 500.000 đồng, M có hơn 300.000 đồng, B có 180.000 đồng. Lương Văn T thấy mọi người

chơi xóc đĩa cũng vào tham gia chơi. Khi vào tham gia chơi T có 1.200.000đ. Một lúc sau có Trần Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn H đến nhà T chơi, thấy mọi người đang chơi xóc đĩa ăn tiền cũng vào tham gia chơi. Th khai có 150.000 đồng, Th1 có 700.000 đồng, H có 400.000 đồng để chơi xóc đĩa ăn tiền. Trong quá trình các đối tượng chơi xóc đĩa ăn tiền, có các anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Hà Văn Q, Nguyễn Văn G cũng đến nhà T chơi thấy cả bọn chơi xóc đĩa nhưng các anh không tham gia chơi. Khoảng 15 giờ cùng ngày, khi G, D, R, T1, L, M, B, T, Th, Th1, H đang chơi xóc đĩa ăn tiền thì bị lực lượng công an xã Trực Thuận, Công an huyện Trực Ninh phát hiện bắt giữ. Thu giữ tại chiếu bạc: 02 đĩa sứ, 02 quân vị là công cụ các đối tượng dùng để đánh bạc; số tiền 4.380.000 đồng rải rác trên nền nhà xung quanh vị trí đánh bạc. Thu trên người các đối tượng tổng số tiền 7.749.000đ gồm: Lương Văn G 1.700.000 đồng; Lương Văn T 50.000 đồng; Lương Văn T1 2.100.000 đồng; Nguyễn Văn D 15.000 đồng; Vũ Văn R 2.518.000 đồng. Đối với số tiền 7.749.000đ, quá trình điều tra CQĐT đã xác định được các đối tượng đã sử dụng số tiền 7.249.000đ vào mục đích đánh bạc. Số tiền còn lại 500.000đ thu giữ trong túi quần của Vũ Văn R là tiền R dùng mừng tân gia nhà Lương Văn G không phải tiền dùng vào mục đích đánh bạc, CQĐT đã trả lại cho Vũ Văn R. Tám chiếc điện thoại đã thu giữ của các đối tượng đánh bạc là tài sản riêng không liên quan đến việc đánh bạc, CQĐT đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Đối với 02 chiếc bát, 02 quân vị là dụng cụ mà các đối tượng dùng để đánh bạc, quá trình điều tra CQĐT đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại cơ quan điều tra Lương Văn G, Lương Văn T, Lương Văn T1, Nguyễn Văn D, Vũ Văn R, Lương Văn B, Trần Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn L, Phạm Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận xét trên.

Bản cáo trạng số: 11/CT-VKS-KSĐT ngày 21 tháng 02 năm 2019, VKSND huyện Trực Ninh đã truy tố các bị cáo Lương Văn G, Lương Văn T, Lương Văn T1, Nguyễn Văn D, Vũ Văn R, Lương Văn B, Trần Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn L, Phạm Văn M về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên toà:

Các bị cáo đã Thnh khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận xét trên, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKSND huyện Trực Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Lương Văn G từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án

treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng (bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến 25/01/2019).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Lương Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến 25/01/2019).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Lương Văn T1 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Văn D từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Vũ Văn R từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Lương Văn B từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Trần Văn Th từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Văn H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Văn Th1 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Văn L từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Phạm Văn M từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 02 đĩa sứ, 02 quân vị đã thu giữ trong quá trình điều tra, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.629.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đã thu giữ trong quá trình điều tra.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT; VKSND huyện Trực Ninh; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trực Ninh đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Lời khi của người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 15h ngày 05/12/2018 các bị cáo Lương Văn G, Lương Văn T, Lương Văn T1, Nguyễn Văn D, Vũ Văn R, Lương Văn B, Trần Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn L, Phạm Văn M đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền tại nhà Lương VănT, bị Công an xã Trực Thuận, Công an huyện Trực Ninh phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 11.629.000 đồng. Hành vi đánh bạc ăn tiền của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS như cáo trạng VKSND huyện Trực Ninh đã truy tố đối với các bị cáo.

[3] Về vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Lương Văn G là người khởi xướng, cầm cái cho các đối tượng đánh bạc giữ vai trò số một. Các bị cáo T, T1, D, R giữ vai trò thứ hai, các bị cáo còn lại giữ vai trò thứ ba.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

4.1. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 (trừ bị cáo T không áp dụng điểm i). Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đây là những tình tiết được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; HĐXX xét thấy các bị cáo Lương Văn G, Lương Văn T, Lương Văn T1, Nguyễn Văn D, Vũ Văn R, Lương Văn B, Trần Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn L, Phạm Văn M có nhân thân tốt (trừ bị cáo T), nhất thời phạm tội, đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người lao động, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[7] Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 02 đĩa sứ, 02 quân vị đã thu giữ trong quá trình điều tra. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đã thu giữ trong quá trình điều tra là 11.629.000 đồng.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lương Văn G, Lương Văn T, Lương Văn T1, Nguyễn Văn D, Vũ Văn R, Lương Văn B, Trần Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn L, Phạm Văn M phạm tội "Đánh bạc".

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS (bị cáo T không được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51BLHS):

- Xử phạt Lương Văn G 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến 25/01/2019).

- Xử phạt Lương Văn T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến 25/01/2019).

- Xử phạt Lương Văn T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018).

- Xử phạt Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018).

- Xử phạt Vũ Văn R 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018).

- Giao các bị cáo Lương Văn G, Lương Văn T, Lương Văn T1, Nguyễn Văn D cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Giao bị cáo Vũ Văn R cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS:

- Xử phạt Lương Văn B 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Trần Văn Th 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Nguyễn Văn Th1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 (một ngày

tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Nguyễn Văn L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Phạm Văn M 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2018 đến 15/12/2018 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo được tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn L cho chính quyền địa phương xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Giao bị cáo Lương Văn B cho chính quyền địa phương xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Giao bị cáo Trần Văn Th cho chính quyền địa phương xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Giao bị cáo Phạm Văn M cho chính quyền địa phương xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Lương Văn B, Trần Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn L, Phạm Văn M.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 02 đĩa sứ, 02 quân (theo biên bản giao nhận vật chứng số: 14/THA ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.629.000 đồng (mười một triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng) các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Các bị cáo Lương Văn G, Lương Văn T, Lương Văn T1, Nguyễn Văn D, Vũ Văn R, Lương Văn B, Trần Văn Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn L, Phạm Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, các Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng